TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 08 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (có mặt).

Hộ khẩu: Tổ 11, khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: tổ 15, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1947 (Có mặt)

2/ Bà Trần Thị B, sinh năm 1950 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 06, ấp T, xã Đ, huyện BT, Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 14, ấp T, xã D, huyện BT, Vĩnh Long.

2/ Anh Nguyễn Văn T (Tư), sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 06, ấp T, xã D, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Trước đây ông Nguyễn Văn C và con là Nguyễn Khắc Đ có vay của bà 1.030.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 2%/tháng. Do ông C và anh Đ không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà nên bà khởi kiện tại Tòa án huyện Bình Tân. Trong thời gian Tòa án giải quyết bà có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông C. Tòa án chưa ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ông C và vợ là bà Trần Thị B có đến gặp bà xin nhận hứa sẽ trả số tiền này và sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C bà B làm tin.

Vào ngày 09/5/2018, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B làm tờ thỏa thuận có vay của bà 1.030.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B hứa đóng lãi hàng tháng và trả dần mỗi năm (12 tháng) là 350.00.000 đồng tiền vốn. Để tạo lòng tin ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B có giao cho bà giữ bản chính các quyền sử dụng đất như sau: Thửa 114, tờ bản đồ số 09, diện tích 690,70m^2; Thửa 395, tờ bản đồ số 005c, diện tích 2.300,00m^2; Thửa 394, tờ bản đồ số 005c, diện tích 830,00m^2; Thửa 609, tờ bản đồ số 05c, diện tích 720,00m^2; Thửa 59, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.040,00m^2; Thửa 970, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.040,0m^2; Thửa 975, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.050,00m^2; Thửa 96, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.066,00m^2; Thửa 118, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.900,00m^2. Theo thỏa thuận này thì ông C bà B đã nhận lãnh chịu toàn bộ trách nhiệm đối với số tiền này và ông Đ không còn chịu trách nhiệm nữa. Vì vậy, bà đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng đến nay đã hơn một năm mà ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B không đóng lãi và không trả vốn như trong tờ thỏa thuận, đã vi phạm việc thỏa thuận với bà. Đến ngày 14/9/2019 con ông C là Nguyễn Văn T (tên thường gọi là Tư) đến nói là vợ chồng ông C trả cho bà số tiền lãi là 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) và bà đã làm biên nhận số tiền này.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B trả lại cho bà tiền gốc là: 1.030.000.000 đồng, tiền lãi là 1,5%/tháng tính từ ngày làm giấy thỏa thuận là ngày 09/5/2018 cho đến khi Tòa án xét xử và yêu cầu tính lãi tiếp cho đến khi trả hết nợ. Bà đồng ý trừ số tiền lãi 100.000.000 đồng mà vợ chồng ông C đã trả cho bà. Khi trả xong số tiền trên thì bà sẽ trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông C và bà B giao cho tôi giữ. Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C, bà B giao cho bà giữ thì thửa 395, tờ bản đồ số 005c, diện tích 2.300,00m^2 đã được cấp lại QSD đất thửa 96, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.066,00m^2; Thửa 609, tờ bản đồ số 05c, diện tích 720,00m^2 đã được cấp lại QSD đất là thửa 114, tờ bản đồ số 09, diện tích 690,70m^2.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: trước đây con trai ông là Nguyễn

Khắc Đ có vay của bà M số tiền là 1.030.000.000 đồng và Đ có nhờ ông ký giấy xác nhận có nợ bà M số tiền này nên ông đồng ý ký. Do không có tiền trả nên bà M kiện ông và Đ tại Tòa án huyện Bình Tân. Trong thời gian Tòa án giải quyết thì ông và vợ là bà Trần Thị B có làm giấy thỏa thuận nhận toàn bộ số nợ trên thay cho Đ và vợ chồng ông có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M để làm tin. Những lời trình bày nêu trên của bà M là đúng sự thật. Do vợ chồng ông không bán được đất nên không trả tiền cho bà M như thỏa thuận. Đến ngày 14/9/2019 ông bán được cây kiểng nên kêu con ông là Nguyễn Văn T đem trả cho bà M số tiền lãi là 100.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà M nhưng do không bán được đất nên không có tiền trả cho bà M.

Bị đơn là bà Trần Thị B trình bày: Bà và chồng là ông Nguyễn Văn C có làm tờ thỏa thuận vay của bà Nguyễn Thị M là 1.030.000.000 đồng vào ngày 09/5/2018. Nay bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là đồng ý trả số tiền vay cho bà M.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh là con ông C và bà B. Sự việc cha mẹ anh thiếu tiền bà M là đúng như cha anh đã trình bày. Ngày 14/9/2019 cha anh bán được cây kiểng nên kêu anh đem đến trả cho bà M 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và bà M đã làm biên nhận số tiền này. Số tiền này là tiền lãi của cha mẹ anh trả cho bà M.

Tại phiên tòa:

Bà M vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện. Bà không đồng ý cho ông C, bà B trả tiền lãi 0,8%/tháng. Vì trước đây bà cho vay lãi 2%/tháng nhưng khi làm giấy ông C, bà B xin giảm mức lãi là 1,5%/tháng là sự tự nguyện của ông C, bà B, mức lãi này hiện nay vợ chồng ông C bán đất là đủ khả năng trả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông C đồng ý vợ chồng ông trả tiền gốc cho bà M nhưng hiện nay vợ chồng ông già yếu nên xin trả lãi suất là 0,8%/tháng.

Anh T đồng ý với ý kiến của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B xin giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Khắc Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Trước đây ông Nguyễn Văn C và con là anh Nguyễn Khắc Đ có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.030.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất

2%/tháng. Vào ngày 09/5/2018, ông C và vợ là bà Trần Thị B làm tờ thỏa thuận có vay của bà M 1.030.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Số tiền này là sự thỏa thuận giữa bà M, anh Đ, ông C, bà B chuyển từ ông C, anh Đ sang cho ông C, bà B. Sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận. Vì vậy, anh Đ không phải chịu trách nhiệm với số tiền này. Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B hứa đóng lãi hàng tháng và trả dần mỗi năm (12 tháng) là 350.00.000 đồng tiền vốn. Sau đó ông C, bà B không thực hiện đúng như cam kết nên bà M khởi kiện. Nay vợ chồng ông C, bà B đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà M nhưng do không bán được đất nên không có tiền trả cho bà M. Do đó, ông C, bà B phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền gốc là 1.030.000.000đ. Ông C trình bày lý do chưa trả tiền là do chưa bán được đất là không có căn cứ. Vì ông và bà B phải có trách nhiệm trả tiền cho bà M. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông bà không trả tiền thì bà M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản của ông bà.

Ông C xin trả tiền lãi với mức lãi suất là 0,8%/tháng nhưng bà M không đồng ý nên không có căn cứ xem xét. Bà M yêu cầu ông C, bà B phải trả tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày làm biên nhận là ngày 09/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau: 1.030.000.000 đồng x 1,5% x 17 tháng 29 ngày = 277.585.000 đồng. Ngày 14/9/2019 ông C đã trả cho bà M 100.000.000 đồng tiền lãi nên được trừ qua, số tiền lãi còn lại là 177.585.000 đồng. Như vậy, ông C và bà B phải trả cho bà M số tiền gốc và lãi là 1.207.585.000 đồng.

Ngày 09/5/2018, ông C và bà B có giao cho bà M giữ bản chính các quyền sử dụng đất như sau: Thửa 114, diện tích 690,7m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã D, huyện BT, Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011; thửa 394 diện tích 830m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện BM, tỉnh Cửu Long, do ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1991; thửa 59 diện tích 1.040m^2 đất ruộng - màu tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện BM, tỉnh Cửu Long, do ông Nguyễn Hữu B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/1996 (đã chuyển mặt 4 cho ông Nguyễn Văn C ngày 10/7/2007); thửa 970 diện tích 1.040m^2 đất ruộng – màu và thửa 975 diện tích 1.050m^2 đất ruộng - màu tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện BM, tỉnh Cửu Long, do ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1991; thửa 118 diện tích 3.900m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện BM, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/2002; thửa 96 diện tích 2.066,6m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011. Theo quy định của pháp luật thì bà M không được nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế bà M chỉ giữ các

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, còn phần đất thì bà M không sử dụng. Vì vậy, bà M phải trả lại các bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận của ông C và bà B.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông C và bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91,92,93, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 274, 275, 280, 370, 372, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 1.030.000.000 đồng và tiền lãi là 177.585.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.207.585.000 đ (một tỷ hai trăm lẻ bảy triệu lăm trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có: Thửa 114, diện tích 690,7m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã D, huyện BT, Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011; thửa 394 diện tích 830m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện BM, tỉnh Cửu Long, do ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1991; thửa 59 diện tích 1.040m^2 đất ruộng - màu tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện BM, tỉnh Cửu Long, do ông Nguyễn Hữu B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/1996 (đã chuyển mặt 4 cho ông Nguyễn Văn C ngày 10/7/2007); thửa 970 diện tích 1.040m^2 đất ruộng – màu và thửa 975 diện tích 1.050m^2 đất ruộng - màu tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện BM, tỉnh Cửu Long, do ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/1991; thửa 118 diện tích 3.900m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện BM, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/2002; thửa 96 diện tích 2.066,6m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2011.

3. Về án phí:

- Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B.

- Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 24.378.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011012 ngày 13/6/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai có mặt các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng